

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công viên Hồ Tây



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0100844825
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 92.974.500.000 đồng
Địa chỉ	: Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	: (04) 3718-4193
Số fax	: (04) 3718-4190
Website	: www.congvienhotay.vn
Mã cổ phiếu (nếu có)	: HES

1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay).

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, HĐQT đã đưa ra những giải pháp ngắn và dài hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Về ngắn

hạn: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, áp dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp và quản lý nội bộ của công ty, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Về dài hạn: từ năm 2017 HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai làm lại quy hoạch tổng thể đồng bộ 2 khu công viên nước và công viên Mặt Trời Mới để đổi mới phù hợp với sự phát triển và xu hướng của xã hội hiện đại cũng như nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng hiện nay. Ngày 09/04/2024, UBND Thành phố đã ban hành quyết định số: 1856/QĐ-UBND ngày 09/04/2024 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết đồng bộ khu công viên nước Hồ Tây và Công viên Mặt Trời Mới, tỷ lệ 1/500 (điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu vui chơi giải trí Hồ Tây). Công ty đang từng bước thực hiện theo các hướng dẫn tại Quyết định phê duyệt đồ án của UBND Thành phố để sớm đưa đồ án quy hoạch vào thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, khai thác tối đa vị thế của khu đất.

Năm 2024 vừa qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng chỉ đạo sát sao, kịp thời để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban điều hành công ty và tập thể cán bộ công nhân viên quyết tâm đồng lòng, chủ động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đặt ra. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 hết sức khả quan: Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 đạt: 156,19 tỷ đồng, tăng 2,47 % so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 đạt 13,19 tỷ đồng, tăng 0,87% so với năm 2023.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

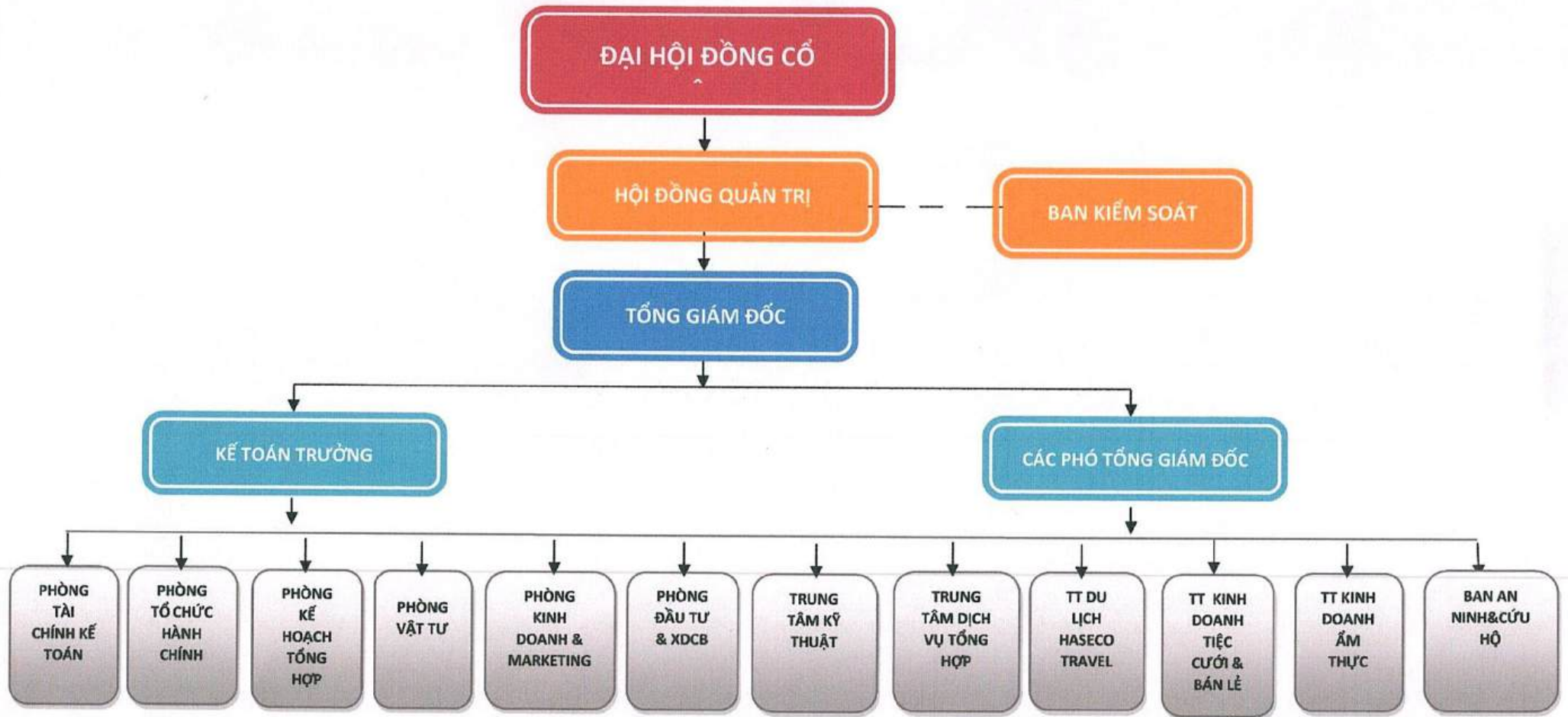
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

b) Địa bàn kinh doanh: Công viên Hồ Tây có địa chỉ tại số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

**MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI (HASECO)**



b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Khắc phục triển khai ngay các nội dung chỉ đạo tại quyết định số: 1856/QĐ-UBND ngày 09/04/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch tổng thể công viên để sớm đưa Quy hoạch vào thực tiễn hoạt động Công ty.
- Trả lại UBND thành phố Hà Nội về con đường Quy hoạch để giảm tiền thuê đất cho Công ty.
- Xin sớm phê duyệt chủ trương đầu tư khu 1,7 ha đất Công viên Mặt Trời Mới.
- Tìm kiếm, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tài chính, có kinh nghiệm trong lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh, triển khai thực hiện phương án khai thác Công viên Mặt Trời Mới hiệu quả theo Quy hoạch được duyệt, khai thác tối đa vị trí của khu đất.
- Khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các sản phẩm lõi của Công ty: vui chơi công viên nước, tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, tiệc cưới, ẩm thực, kinh doanh du lịch lữ hành...
- Đẩy mạnh truyền thông khai thác tối đa công viên nước và nhà hàng Sen Hồng.
- Tăng cường các biện pháp thu hút các nhà đầu tư chiến lược hợp tác kinh doanh khai thác dịch vụ công viên Hồ Tây nhằm phát triển bền vững.
- Tạo dựng được thương hiệu Công viên Hồ Tây là thương hiệu mạnh, uy tín, tạo sự tin tưởng, an tâm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Công viên Hồ Tây, theo đó đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Triển khai Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây, khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm, kết nối đồng bộ với khu phố đi bộ Trịnh Công Sơn tạo thành một điểm đến hấp dẫn cho người dân thủ đô và du khách trong và ngoài nước.
- Triển khai các hoạt động kinh doanh hiệu quả, gia tăng doanh thu, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Xây dựng Công viên Hồ Tây là một điểm đến ấn tượng với du khách trong và ngoài nước khi đến Thủ đô, hướng tới việc phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của mọi du khách gần xa, đảm bảo không chỉ người dân Thủ đô mà là du khách các nơi đến Công viên đều tìm thấy các dịch vụ giải trí cần thiết và phù hợp với mọi lứa tuổi.
- Là điểm tham quan văn hóa, văn minh và hiện đại có hạ tầng kỹ thuật được xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế về cảnh quan và hạ

tầng sẵn có, xứng tầm với một khu vui chơi giải trí ngay tại Thủ đô đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí ngày càng cao của chính người dân Hà Nội, công viên mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo xu hướng bền vững, hiệu quả doanh nghiệp gắn với lợi ích cộng đồng.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Sức ép lạm phát còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; nhu cầu các thị trường xuất, nhập khẩu tiếp tục suy giảm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro...

- Vui chơi giải trí là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng chung của sự suy giảm kinh tế. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố:

- + Yếu tố mùa vụ trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu khó lường;
- + Chính sách của nhà nước làm tăng chi phí tiền thuê đất;
- + Xu hướng cắt giảm chi tiêu của người dân trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn;
- + Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

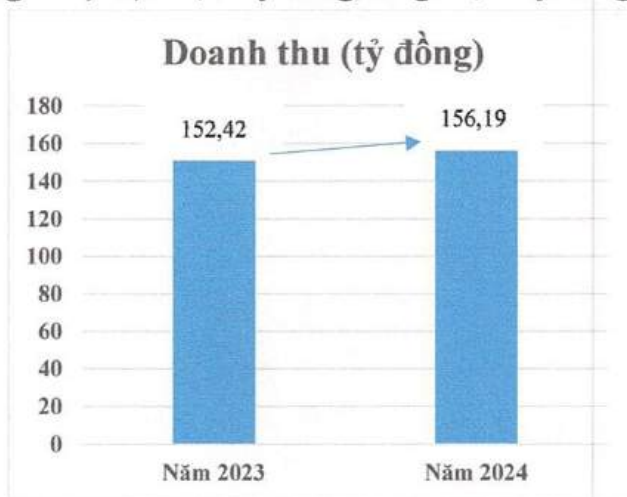
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) **Tổng lượng khách:** đạt 393.489 lượt khách, giảm 72.495 lượt khách hay giảm 15,56% so với năm 2023.



b) **Tổng doanh thu:** đạt 156,19 tỷ đồng, tăng 3,77 tỷ đồng hay tăng 2,47% so với năm 2023, trong đó: (i) Doanh thu các hoạt động tự doanh tại Công viên đạt 101,75 tỷ đồng, giảm 6,66 tỷ đồng hay giảm 6,14%; (ii) Doanh thu tour du lịch (là hoạt động phát sinh

doanh thu ngoài công viên) đạt 54,44 tỷ đồng, tăng 10,43 tỷ đồng hay tăng 23,7%.



c) Phân tích nguyên nhân:

Bước vào năm 2024, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức từ bên trong và bên ngoài: tình hình địa chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ngoài cuộc chiến Nga - Ucraina và khu vực Trung Đông còn có nhiều điểm nóng có nguy cơ bùng nổ khác đang đe dọa gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu. An ninh lương thực, thiên tai, lũ lụt, hạn hán và biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng sẽ ngày càng đè nặng lên sản xuất nông nghiệp, sức khỏe và sự an cư của cộng đồng. Nền kinh tế thế giới tuy có được cải thiện nhẹ so với năm 2023 nhưng vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro đáng kể. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn được thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí sử dụng vốn vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Những yếu tố này tạo ra một bức tranh kinh tế thế giới đầy thách thức, đòi hỏi mỗi quốc gia phải có chiến lược linh hoạt và thích ứng để duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh mới.

Trong bối cảnh đó, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện giải pháp đặt ra theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024. Đặc biệt là các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và kích cầu tiêu dùng đã tiếp tục phát huy hiệu quả như: Cải thiện môi trường kinh doanh, giảm 2% thuế GTGT, giãn thời gian nộp thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuê đất,...

Do đó, tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2024 của nước ta đã đạt được những kết quả tương đối tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau: tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,09% so với năm 2023; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD tăng 15,4%, với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD thì khối doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng tới 71,7%, chỉ tiêu này cho thấy khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng GDP; CPI bình quân ước tăng 3,63%; Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động là 233,4 nghìn DN, tăng 7,1% và số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 197,9 nghìn DN, tăng 14,7%, cho thấy khối doanh nghiệp trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Với những kết quả đã đạt được từ những năm 2022-2023, Ban điều hành công ty thường xuyên bám sát các Nghị quyết của HĐQT để nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị/bộ phận trong công ty triển khai ngay các kế hoạch công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao, rà soát và điều chỉnh chính sách giá vé và giá bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

cho phù hợp với thị trường, chú trọng các biện pháp thúc đẩy kinh doanh, đặc biệt là các mảng kinh doanh Công viên nước, tiệc cưới và tour du lịch. Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho mùa hoạt động CVN, đặc biệt chú trọng đào tạo về các kỹ năng và thái độ phục vụ khách hàng. Tập trung các nguồn lực để nhanh chóng hoàn thiện các hạng mục đầu tư xây dựng (bể hành động, bể đáy 4 và bể đáy 5,...), các hạng mục duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị khu Công viên nước, các hạng mục cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cảnh quan công viên để kịp tiến độ cho sự kiện ngày hội mở cửa Công viên nước vào ngày 20/4/2024.

Những ngày đầu mở cửa và đặc biệt là kỳ nghỉ Lễ 30/4-01/5: Lượng khách đến CVN trong tháng 4 tăng 378,9% và doanh thu CVN tăng 453,8%; Kỳ nghỉ Lễ 5 ngày từ 27/4-01/5 đã thu hút được 43.467 lượt khách đến CVN (*tăng 29.165 lượt khách hay tăng 203,92% so với cùng kỳ 2023*), tương ứng với mức doanh thu CVN đạt được là 7,4 tỷ đồng (*tăng 4,93 tỷ đồng hay tăng 199,5% so với cùng kỳ 2023*).

Tuy nhiên, qua theo dõi những ngày sau kỳ nghỉ Lễ 30/4 cho thấy diễn biến lượng khách đến Công viên nước có xu hướng giảm mạnh trong những tháng cao điểm giữa mùa hoạt động: lượng khách tháng 5 giảm 34,1%, lượng khách tháng 6 giảm 19,57% và lượng khách tháng 7 giảm 36,8% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân là do: (i) Hiệu ứng lò so nén trong hai năm 2020-2021 của đại dịch Covid-19 và được bật tăng mạnh mẽ sau đại dịch vào các năm 2022-2023 đối với nhu cầu du lịch và vui chơi giải trí đã không còn, đồng thời lại có xu hướng co lại và giảm xuống nhanh; (ii) Mặc dù các chỉ tiêu kinh tế như tăng trưởng GDP ở mức khá cao là ~7% nhưng động lực tăng trưởng chính vẫn là khối doanh nghiệp FDI, còn khối doanh nghiệp trong nước thì phần lớn vẫn gặp khó khăn, do đó doanh nghiệp và người dân đều có xu hướng cắt giảm chi tiêu, đặc biệt là chi tiêu cho những nhu cầu không thực sự thiết yếu như du lịch và vui chơi giải trí; (iii) Diễn biến thời tiết năm 2024 này rất không thuận lợi cho các hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời như Công viên Nước Hồ Tây, và thực tế diễn ra trong các tháng 5-6-7-8 và kể cả nửa đầu tháng 9. Công viên nước đóng cửa kết thúc mùa hoạt động vào ngày 23/9.

Những yếu tố nêu trên cộng hưởng lại đã làm giảm mạnh nhu cầu của khách hàng đến với CVN năm nay, lượng khách đến CVN trong năm 2024 chỉ đạt 375.178 lượt khách, giảm 14,5% so với năm 2023, tương ứng chỉ tiêu doanh thu CVN chỉ đạt 56,7 tỷ đồng, giảm 8,43%, đồng thời kéo theo sự sụt giảm doanh thu từ các dịch vụ gia tăng tại công viên như: ẩm thực, bán lẻ hàng hóa, cho thuê đồ bơi, cho thuê tủ gửi đồ,... Mức chi tiêu bình quân đầu khách cho các dịch vụ gia tăng này chỉ đạt 40,3 nghìn đồng cao hơn mức chi tiêu của các năm 2022-2023, nhưng vẫn giảm ~3 nghìn đồng hay giảm 7,4% so với năm 2019. Điều đó cho thấy sức mua của khách hàng vẫn tiếp tục bị giảm sút so với trước đại dịch covid-19.

Đối với các sản phẩm sự kiện, khách đoàn năm nay đều bị sụt giảm, mặc dù các bộ phận kinh doanh của Công ty đã rất cố gắng, nỗ lực và tích cực chào bán tất cả các sản phẩm sự kiện, khách đoàn, tiệc cưới đến với các khách hàng truyền thống, khách hàng đã tổ chức chương trình tại CVHT các năm trước và đặc biệt là với các khách hàng mới, tiềm năng tại các KCN, khu chế xuất và các công ty có nhu cầu tổ chức cho CBNV vui chơi. Nhưng do ảnh hưởng kinh tế nên nhiều công ty có kế hoạch đặt lịch tổ chức sự kiện tại công viên đã hoãn hoặc hủy lịch tổ chức. Các sự kiện nhỏ như hội nhóm, công ty nhỏ đều thất chặt chi tiêu và cắt giảm chi tiêu cho những hoạt động không thiết yếu. Riêng mảng kinh doanh tiệc cưới năm nay cũng gặp nhiều trở ngại để duy trì tăng trưởng do trên địa bàn xuất hiện thêm đối thủ cạnh tranh mới (là Thung lũng hoa Hồ Tây,...) có vị trí và một số lợi thế tương tự, đã và đang cạnh tranh chia sẻ thị phần với Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, cảm nhận được thị trường du lịch nội địa có nhiều khó khăn ngay từ những tháng đầu năm nên TTDL đã chuyển hướng trọng tâm đẩy mạnh thị trường du lịch outbound với nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt: tham gia các nhóm liên minh tổ chức tour du lịch với điểm đến đang hút khách là Nhật Bản; tiếp cận và chào bán tour cho khách hàng là các công ty lớn đi Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan; Đẩy mạnh thu hút khách lẻ đi tour ghép tới các thị trường giá cao như châu Âu, Nam Phi,... Kết quả kinh doanh năm 2024 có 9.369 lượt khách đi tour (giảm 44,53%) nhưng đã đạt mức doanh thu là hơn 54,4 tỷ đồng (tăng 23,7%).

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 156,19 tỷ đồng, tăng 3,77 tỷ đồng hay tăng 2,47% so với cùng kỳ 2023 là do: (i) Doanh thu các HĐKD chính tại công viên (không bao gồm du lịch và Sen Tây Hồ) đạt 90,19 tỷ đồng, giảm 7,92 tỷ đồng hay giảm 8,07%; (ii) Doanh thu tour du lịch đạt 54,4 tỷ đồng, tăng 10,43 tỷ đồng hay tăng 23,7% và (iii) Doanh thu từ HTKD với Sen Tây Hồ đạt 11,56 tỷ đồng, tăng 1,26 tỷ đồng hay tăng 12,26%.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ trong kỳ là 103,12 tỷ đồng, tăng 9,81 tỷ đồng hay tăng 10,51% so với cùng kỳ 2023, trong đó: Giá vốn kinh doanh bán lẻ giảm 306 triệu đồng hay giảm 15,18%, là do doanh thu giảm 18,38% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn nước uống D'Lo giảm 25 triệu đồng hay giảm 26,15% là do doanh thu giảm 17% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn kinh doanh Ẩm thực giảm 1,72 tỷ đồng hay giảm 16,5% là do doanh thu giảm 8,5% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn dịch vụ TCSK giảm 701,8 triệu đồng hay giảm 22,27% là do doanh thu giảm 13,86% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn tour du lịch tăng 9,91 tỷ đồng hay tăng 23,65%, tương ứng với mức doanh thu tăng 23,7%; Giá vốn dịch vụ CVN & CV.MTM tăng 2,65 tỷ đồng hay tăng 7,72% (doanh thu và lượng khách CVN đều giảm) là do đặc thù hoạt động của CVN với định phí chiếm tỷ trọng lớn, biến phí chiếm tỷ trọng nhỏ, ngoài ra trong năm qua Công ty phải tăng cường công tác duy tu, sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị, cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan công viên để đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng.

Chi phí bán hàng trong kỳ là 18,92 tỷ đồng, tăng 206,6 triệu đồng hay tăng 1,1% so với cùng kỳ 2023 là do: Chi phí nhân viên giảm 202,6 triệu đồng hay giảm 2,92%, chi phí công cụ dụng cụ tăng 57,5 triệu đồng hay tăng 7,97%, chi phí khấu hao tăng 105,3 triệu đồng hay tăng 8,03%, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 150,6 triệu đồng hay tăng 2,95%, chi phí bằng tiền khác tăng 95,7 triệu đồng hay tăng 2,06%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là 23,36 tỷ đồng, giảm 7,22 tỷ đồng hay giảm 23,6% so với cùng kỳ 2023 là do: Chi phí nhân viên quản lý giảm 355,5 triệu đồng hay giảm 4,73%; Chi phí vật liệu quản lý tăng 3,9 triệu đồng hay tăng 0,8%; Chi phí dụng cụ đồ dùng tăng 54,2 triệu đồng hay tăng 37%; Chi phí khấu hao giảm 74,8 triệu đồng hay giảm 11%; Tiền thuê đất giảm 8,54 tỷ đồng hay giảm 56,09%; Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,28 tỷ đồng hay tăng 63,35%; Chi phí bằng tiền khác tăng 566,2 triệu đồng hay tăng 16,1%.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 đạt 2,69 tỷ đồng, giảm 373,5 triệu đồng hay giảm 12,2% là do mặc dù số dư tiền gửi ngân hàng tăng nhưng mặt bằng lãi suất tiền gửi ở mức thấp hơn nhiều so với cùng kỳ 2023 (lãi suất một số kỳ hạn trong năm 2023 lên tới 9,4-9,5%/năm, bước sang năm 2024 thì mức cao nhất chỉ là 6,4%/năm và phổ biến là từ 4,1-6%/năm).

Các khoản thu nhập khác (thu thuần) trong kỳ là 794 triệu đồng, tăng 602,1 triệu đồng hay tăng 313,7% so với cùng kỳ năm 2023, là do trong năm có phát sinh khoản thu thuần do thanh lý tài sản cố định là 665 triệu đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2024 Công ty đạt Lợi nhuận là **14,28** tỷ đồng, tăng 1,2 tỷ đồng hay tăng 9,16% so với mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/03/2024
2	Lê Thị Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/03/2024
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc	
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng	

❖ Bà Nguyễn Thị Vân

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ VÂN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- ✓ Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
- ✓ Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
- ✓ Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH.
- Số cổ phần nắm giữ: 2.138.393 cổ phần

*Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 2.138.393 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH

❖ **Bà Lê Thị Giang**

- Họ và tên: **LÊ THỊ GIANG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/11/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- ✓ Cử nhân ngoại ngữ - chuyên ngành tiếng Anh
- ✓ Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.015.923 cổ phần

*Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH

❖ **Ông Hoàng Văn Toàn**

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
- ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần

*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
 - Nơi sinh: Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thái Bình
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân du lịch - Đại học KHXH và NV
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYẾN**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
 - Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hưng Yên
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
 - Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

b) Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2024:

Ngày 20/3/2024, HĐQT nhận được đơn từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bà Nguyễn Thị Vân. HĐQT đã tổ chức họp và ban hành Nghị quyết số: 167/2024/NQ-HĐQT ngày 20/3/2024 miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bà Nguyễn Thị Vân và bổ nhiệm bà Lê Thị Giang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty với thời hạn 5 năm kể từ ngày 20/03/2024.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 205 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 8.470.000 đ/ người/ tháng.
- Năm 2024, hoạt động kinh doanh có khó khăn hơn do sự suy thoái chung của nền kinh tế, sức nén về nhu cầu vui chơi giải trí như 02 năm liền kề sau đại dịch không còn, thời tiết năm 2024 mưa nhiều nên hạn chế các hoạt động vui chơi ngoài trời. Mặc dù vậy nhưng nhờ sự chỉ đạo sát sao của BĐH nên doanh thu và lợi nhuận 2024 tương đối khả quan, CBNV được hưởng lương, thưởng và các khoản hỗ trợ đầy đủ.
- Từ 01/7/2024, Công ty đã có quyết định tăng lương cho tất cả CBNV ($\approx 6\%$) cùng thời gian Chính phủ điều chỉnh tăng mức lương cơ sở và lương tối thiểu vùng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	113.307,5	136.194,2	20,20%

Doanh thu thuần	152.417,9	156.188,8	2,47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.886,9	13.482,9	4,62%
Lợi nhuận khác	191,9	794,0	313,76%
Lợi nhuận trước thuế	13.078,9	14.277,0	9,16%
Lợi nhuận sau thuế	13.078,9	13.192,4	0,87%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đ.V.T	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,62	4,50
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	3,57	4,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,13	17,21
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,80	20,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	148,14	165,85
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,41	1,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,58	8,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,14	11,70
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,54	9,69
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,45	8,63

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2025):

Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu	9.297.450 CP
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/CP
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	0%

STT	Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông lớn (>= 5%)		
	- Cá nhân	0	0%
	- Tổ chức	05	86,09%
II	Cổ đông khác (<5%)		
	- Cá nhân	404	13,73%
	- Tổ chức	01	0,15%
III	Cổ phiếu quỹ	2.800	0,03%
	Tổng cộng	9.297.450	100%

Danh sách cổ đông lớn của Công ty

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn		
1	Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH	Cổ đông nhà nước		4.270.000	45,927%
2	Tập đoàn Bảo Việt	Cổ đông nhà nước		1.800.000	19,360%
3	Công ty TNHH Trí Thành		Cổ đông lớn	525.000	5,647%
4	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Sen		Cổ đông lớn	938.565	10,095%

5	Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng		Cổ đông lớn	470.500	5,061%
---	--------------------------------------	--	-------------	---------	--------

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐCĐ.HASECO ngày 21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ-HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/04/2024, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là

92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024.

d) Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây.

6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 205 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 8.470.000 đ/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã kịp thời có những khoản thưởng để động viên, khích lệ và tri ân người lao động trong mùa hoạt động Công viên nước, những ngày lễ tết, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn ... ; thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hỉ... theo quy định của Công ty.

- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, với mục đích tăng cường công tác chăm lo sức khỏe, giảm bớt khó khăn cho người lao động khi bị ốm đau, nằm viện, tai nạn, phẫu thuật, và điều trị các bệnh dài ngày, Công ty đã mua thêm gói Bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.

- Thời giờ nghỉ ngơi:
 - ✓ Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần.

✓ Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.

✓ Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.

- Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.

- An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có đào tạo, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.

- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.

- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

✓ Thời gian đào tạo trung bình đối với nhân viên tác nghiệp: 80h/năm.

✓ Thời gian đào tạo trung bình đối với nhân viên văn phòng: 120h/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

✓ Bài đào tạo tổng quan về công ty.

✓ Lớp học nâng cao kỹ năng mềm: giao tiếp, thuyết trình, xử lý tình huống, cứu đuối, sơ cấp cứu...

✓ Lớp học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ chuyên môn.

6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Công ty luôn ưu tiên tuyển dụng nhân sự trên địa bàn nhằm tạo thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho lao động địa phương. Ngoài ra, việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động quyên góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, hỏa họa, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...Hàng năm, Công ty tổ chức chuyến đi từ thiện lên các điểm trường vùng cao để chia sẻ với các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch Năm 2024	Thực hiện		So sánh (%)		Tỷ lệ %/DT thuần	
			Năm 2024	Năm 2023	TH24/TH23	TH24/KH24	Năm 2024	Năm 2023
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(3)	(5)=(2)/(1)	(6)	(7)
1	Tổng doanh thu	162.325,1	156.188,8	152.417,9	102,47%	96,22%	-	-
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần	162.325,1	156.188,8	152.417,9	102,47%	96,22%	100,00%	100,00%
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	105.897,8	103.116,3	93.306,4	110,51%	97,37%	66,02%	61,22%
5	Lợi nhuận gộp	56.427,3	53.072,5	59.111,6	89,78%	94,05%	33,98%	38,78%
6	Doanh thu tài chính	2.013,4	2.691,2	3.064,8	87,81%	133,67%	1,72%	2,01%
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	19.497,2	18.924,8	18.718,3	101,10%	97,06%	12,12%	12,28%
9	Chi phí quản lý	25.242,2	23.355,9	30.571,1	76,40%	92,53%	14,95%	20,06%
10	Lợi nhuận thuần	13.701,3	13.483,0	12.886,9	104,63%	98,41%	8,63%	8,45%
11	Thu nhập khác	231,9	800,1	203,6	393,05%	345,00%	0,51%	0,13%
12	Chi phí khác	0,0	6,0	11,6	51,93%	88299,74%	0,00%	0,01%
13	Lợi nhuận khác	231,9	794,0	191,9	413,70%	342,41%	0,51%	0,13%
14	Lợi nhuận trước thuế	13.933,2	14.277,0	13.078,9	109,16%	102,47%	9,14%	8,58%
15	Chi phí thuế TNDN	773,5	1.084,6	-	-	140,21%	0,69%	-
16	LN sau thuế TNDN	13.159,6	13.192,4	13.078,9	100,87%	100,25%	8,45%	8,58%

2. Tình hình tài chính.

- Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2024 là 136,19 tỷ đồng, tăng 22,88 tỷ đồng hay tăng 20,2% so với 31/12/2023, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 79,4 triệu đồng hay tăng 2,26%; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 25,48 tỷ đồng hay tăng 67,02% do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng; Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 186,5 triệu đồng hay giảm 4,08%; Hàng tồn kho giảm 96,2 triệu đồng hay giảm 14,36%; Tài sản ngắn hạn khác giảm 725 triệu đồng hay giảm 74,47%; Tài sản dài hạn giảm 1,66 tỷ đồng hay giảm 2,54% do giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản trong kỳ.

- Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2024 là 136,19 tỷ đồng, tăng 22,88 tỷ đồng hay tăng 20,2% so với 31/12/2023, trong đó: Nợ phải trả tăng 9,69 tỷ đồng hay tăng 70,54% là do: Phải trả người bán tăng 1,52 tỷ đồng; Người mua trả tiền trước tăng 154,8 triệu đồng; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 588,1 triệu đồng; Phải trả người lao động giảm 672,5 triệu đồng; Chi phí phải trả tăng 818,7 triệu đồng; Doanh thu chưa thực hiện tăng 776 triệu đồng; Các khoản phải trả khác tăng 6,5 tỷ đồng là do thu tiền đặt cọc từ hợp đồng HTKD. Vốn chủ sở hữu tăng 13,19 tỷ đồng hay tăng 13,25% là do khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 13,19 tỷ đồng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tình hình thế giới được dự báo vẫn tiếp tục có những biến động phức tạp, khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt,

căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia và khu vực có tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Cùng với đó là thiên tai, lũ lụt, hạn hán và thời tiết cực đoan có ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế xã hội ở hầu hết các quốc gia.

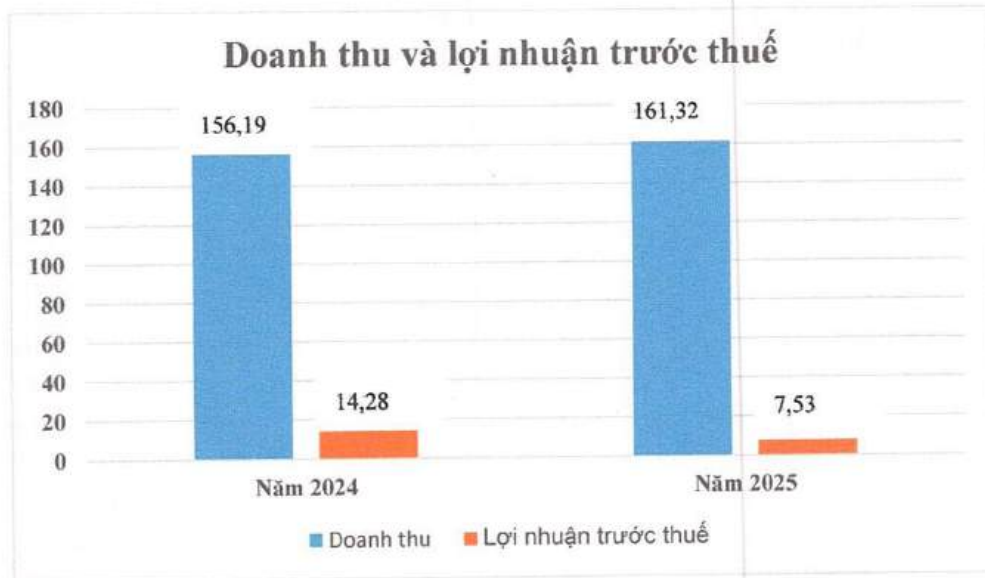
Với những kết quả đã đạt được trong năm 2024, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025 được dự báo vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, tuy nhiên vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Động lực tăng trưởng của nền kinh tế nước ta vẫn phụ thuộc phần lớn vào xuất khẩu và khối doanh nghiệp FDI.

Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2025 này vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Yếu tố thời tiết và tính mùa vụ có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Ngân sách chi tiêu của doanh nghiệp và người dân cho các hoạt động du lịch, vui chơi giải trí còn hạn chế; Yếu tố cạnh tranh cũng là một trong những thách thức không nhỏ; Chi phí tiền thuê đất tăng cao khi Nhà nước không áp dụng chính sách miễn giảm tiền thuê đất; Khu công viên MTM đang trong giai đoạn hoàn thiện dự án quy hoạch tổng thể nên chưa có nguồn thu,.... Ban điều hành Công ty sẽ nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, tăng cường khai thác và mở rộng các kênh bán hàng, bổ sung một số sản phẩm dịch vụ mới, tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.

Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2024 và dự báo tình hình kinh doanh năm 2025, Công ty đặt ra các mục tiêu hoạt động năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Mức tăng/giảm	
					Giá trị	Tỷ lệ %
--	(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(3)/(1)
1	Lượng khách đến CVHT	Khách	393.489	400.971	7.482	1,90%
	- Công viên Nước	"	375.178	381.744	6.566	1,75%
	- Công viên MTM	"	18.311	19.227	916	5,00%
2	Lượng khách đi Tour	Khách	9.369	9.724	355	3,79%
	- Tour Nội địa	"	7.506	7.881	375	5,00%
	- Tour Outbound	"	1.843	1.843	-	0,00%
	- Tour Inbound	"	20	-	(20)	-100,00%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	156.188,8	161.320,1	5.131,3	3,29%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	14.277,0	7.529,1	(6.747,9)	-47,26%

Trong đó, doanh thu kế hoạch năm 2025 phấn đấu đạt 161,32 tỷ đồng, tăng 5,13 tỷ đồng hay tăng 3,29% so với thực hiện năm 2024. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 7,53 tỷ đồng, giảm 6,75 tỷ đồng hay giảm 47,26% so với năm 2024.



Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:

a) Công tác quản trị điều hành:

- Trên cơ sở quyết định số 1856/QĐ-UBND do UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 9/4/2024 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết đồng bộ khu Công viên nước Hồ Tây và Công viên Mặt Trời Mới; Quyết định số 21/QĐ-HĐQT/2024 ngày 03/8/2024 của Chủ tịch HĐQT Công ty về việc thành lập Tổ công tác triển khai đồ án quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây, Ban điều hành công ty đã và đang tích cực liên hệ với các Sở ngành chức năng của thành phố để được hướng dẫn các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tích cực tìm kiếm đối tác có tiềm lực tài chính mạnh, có năng lực kinh doanh, tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh khai thác tối đa lợi thế của Công viên Hồ Tây theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành. Đặc biệt là hợp tác kinh doanh khai thác khu vực 1,7ha, khắc phục tình trạng đầu tư không hiệu quả tại Công viên Mặt trời mới.

- Hoàn thiện các trình tự thủ tục về việc xin cấp giấy phép khai thác nước ngầm để đảm bảo ổn định nguồn nước phục vụ kinh doanh, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tích cực liên hệ với các Sở ngành và Quận Tây Hồ để triển khai thực hiện bàn giao hoàn trả sớm nhất có thể phần diện tích đất nằm trong chi giới đỏ của khu Công viên MTM để giảm chi phí tiền thuê đất, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

b) Nhóm giải pháp thúc đẩy kinh doanh:

- Chuẩn bị CSVC, hạ tầng, dịch vụ, nhân sự, truyền thông... kỹ lưỡng, lên kế hoạch triển khai sớm ở tất cả các bộ phận để chủ động sẵn sàng trước mùa mở cửa CVN. Đẩy mạnh nhất có thể để tăng doanh thu mảng CVN và xác định đây vẫn là mảng cốt lõi mang lại hiệu quả cao.

- Cải tiến phương pháp và đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận và Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công

viên Hồ Tây, đặc biệt tăng cường vào mùa hoạt động Công viên nước để tận dụng sản phẩm thể mạnh của Công ty.

- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, các dịch vụ gia tăng/bổ trợ, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp, chỗ để xe rộng rãi, giá cả cạnh tranh. Tiếp tục chăm sóc, củng cố và phát triển các kênh bán hàng tiệc cưới, đặc biệt là mạng lưới các đại lý ngay tại các khu dân cư/tổ dân phố trên địa bàn quận Tây Hồ, Ba Đình.

- Vào các tháng thấp điểm, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý của Công viên để thu hút sự kiện của các khách hàng lớn cũng như các Lễ hội do các cơ quan, đơn vị, hiệp hội... trên địa bàn thành phố tổ chức tại Công viên.

- Đối với lĩnh vực du lịch lữ hành: Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng các sản phẩm tour du lịch. Tập trung chăm sóc, chào bán tour cho các đối tác truyền thống có nhu cầu du lịch lớn đi du lịch các tuyến điểm mới ở cả trong nước và ngoài nước. Khai thác khách hàng tại các khu công nghiệp (nơi có nhiều xí nghiệp, nhà máy với hàng chục ngàn công nhân) đi du lịch trong nước, tuy mức giá và lãi gộp thấp nhưng có số lượng khách lớn. Tiếp tục lựa chọn tham gia một số liên minh tour ghép để mở rộng thương hiệu, nhưng phải đảm bảo an toàn, tránh rủi ro về vốn đầu tư. Thường xuyên nghiên cứu xây dựng và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu từng đối tượng khách hàng.

- Nghiên cứu và lựa chọn áp dụng các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, hiệu quả, có hiệu ứng tốt đối với công tác truyền thông quảng bá thương hiệu.

- Tiếp tục nghiên cứu, tận dụng mặt bằng sẵn có để mở rộng kinh doanh tự khai thác hoặc hợp tác kinh doanh ngắn và dài hạn nhằm tăng doanh thu và hoạt động dịch vụ.

c) Truyền thông, quảng bá thương hiệu:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, KOL của những người nổi tiếng để quảng bá sản phẩm, hình ảnh thương hiệu CVHT, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

- Trên tinh thần gắn liền kinh doanh với truyền thông marketing, tiếp tục lựa chọn và áp dụng các hình thức truyền thông, marketing hiệu quả mới mang tính thời đại, luôn cập nhật, tiếp cận các xu hướng truyền thông mới hấp dẫn giới trẻ - là đối tượng khách hàng chính của Công viên Hồ Tây nhằm mục đích tập trung thúc đẩy công tác bán hàng, thu hút khách tới CVN cũng như mảng tiệc cưới và sự kiện.

- Hoàn thiện quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông tại công ty.

d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại công tác quản trị nhân sự và tiền lương theo hướng tinh gọn bộ máy, tránh chồng chéo dư thừa lao động so với nhu cầu công việc thực tế, đảm bảo mục tiêu cân đối hợp lý giữa chi phí lương và doanh thu của Công ty. Thực hiện quản trị nguồn nhân lực theo mục tiêu kế hoạch để tăng hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động, nâng cao đời sống của người lao động.

- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới. Tiến tới áp dụng quản trị năng suất lao động thông qua hệ thống quản trị KPI.

e) Công tác đảm bảo an toàn; duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan:

- Quan tâm đầu tư duy trì việc bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng Công viên nước và Công viên Hồ Tây nói chung, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.

- Đảm bảo hệ thống vệ sinh, thoát nước trong công viên luôn được thông thoáng, sạch đẹp để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên chăm sóc, chỉnh trang các cảnh quan của Công viên, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Duy trì và tăng cường độ phủ sóng Wifi rộng khắp công viên, tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các trang mạng xã hội khi check-in Công viên Hồ Tây đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy tiêu dùng thông qua hệ thống thanh toán online.

- Quan tâm đầu tư duy trì việc bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.

- Đảm bảo hệ thống vệ sinh trong công viên luôn được thông thoáng, sạch đẹp để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên chăm sóc, chỉnh trang các cảnh quan của Công viên, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Duy trì và tăng cường độ phủ sóng Wifi rộng khắp công viên, tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các trang mạng xã hội khi check-in CVHT.

f) Nhóm giải pháp về kiểm soát và tiết kiệm chi phí:

- Sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, dụng cụ đồ dùng và các trang thiết bị phụ trợ, tránh lãng phí.

- Sử dụng nhân sự hợp lý và hiệu quả trong mùa mở cửa CVN thông qua chính sách khoán lương, linh hoạt điều động lao động trong những ngày vắng khách và mùa đóng cửa CVN.

- Định kỳ đánh giá, lựa chọn các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, luôn chủ động về nguồn hàng với số lượng, chất lượng và giá cả đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, đảm bảo số lượng tồn hợp lý, có báo cáo kịp thời để đổi trả hàng, tránh tình trạng để hàng hết hạn sử dụng hoặc tồn kho lâu ngày.

- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị máy móc để giảm thiểu chi phí thay thế khi chưa hết khấu hao.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Hàng năm Công ty vẫn thực hiện quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ theo quy định của Pháp luật.

Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường và được chấp thuận. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải công ty được đấu nối chung với hệ thống xử lý nước thải chung của Thành phố của Công ty Phú Điền .

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt và được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Hàng năm có báo cáo về việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Năm 2024, Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động, thông qua việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động, hỗ trợ cơm ca. Công ty đã duy trì và đang cố gắng xây dựng các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động như khám sức khỏe định kỳ. Đối với các chế độ phúc lợi, Công ty có tháng lương thứ 13, các khoản thưởng theo kết quả kinh doanh, thưởng các ngày lễ, Tết,...

Công ty quan tâm đến sức khỏe, môi trường cho Người lao động như cấp phát đồng phục, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, Công ty tổ chức chương trình học tập trải nghiệm kết hợp du lịch, nghỉ mát giúp CBNV học hỏi nâng cao tay nghề và nghỉ ngơi tái tạo sức lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn ưu tiên tuyển dụng nhân sự trên địa bàn nhằm tạo thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho lao động địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng đã ủng hộ, tài trợ các chương trình văn hóa, thiện nguyện mà địa phương phát động theo tinh thần tương thân, tương ái. Hằng năm, Công ty hưởng ứng phong trào hiến máu cứu người theo định kỳ hàng năm do Tổng Công ty Du lịch Hà Nội phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

a. Năm 2024 Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Các Thành viên HĐQT tùy từng trình độ chuyên môn và thể mạnh của bản thân đã phân công thay nhau hỗ trợ, hướng dẫn Ban điều hành Công ty với những lĩnh vực có liên quan.

Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất trong các công tác quản trị công ty, định hướng chiến lược cũng như chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo an toàn cho nhân viên, khách hàng.

b. Năm 2024 Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc, hỗ trợ Ban điều hành Công ty khẩn trương làm việc với các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ trả lại con đường quy hoạch và sớm phê duyệt chủ trương đầu tư cho khu vực 1,7 ha.

c. HĐQT đã đề ra các biện pháp cụ thể và toàn diện đảm bảo công ty phát triển mạnh mẽ, bền vững:

- Hoàn tất thanh lý các thiết bị Công viên Mặt Trời Mới để giải quyết các thiết bị đã hết khấu hao, dừng hoạt động tại khu Công viên Mặt Trời Mới mở rộng.

- Đề ra chủ trương giữ lại thiết bị biểu tượng Đu quay không lồ và lên kế hoạch bảo dưỡng thiết bị này:

- Duy trì, phát triển mạnh thương hiệu “Công viên nước Hồ Tây” để thu hút nguồn khách cho sản phẩm lõi của Công ty.

- Đôn đốc Ban điều hành xin giấy phép khai thác nước để đảm bảo an toàn và ổn định cho hoạt động của Công viên nước.

- Về hoạt động kinh doanh:

- ✓ Yêu cầu Ban điều hành Công ty thúc đẩy phát triển kênh khách sự kiện, khách đoàn, kinh doanh tiệc, tiệc cưới, du lịch lữ hành, hợp tác kinh doanh ... trong mùa thấp điểm để tăng nguồn thu; nâng cao chất lượng dịch vụ trong bối cảnh ngày càng cạnh tranh

gay gắt; quản lý chi phí theo hướng hiệu quả, đúng quy định; đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, lợi nhuận, để Công ty sớm chia cổ tức cho cổ đông;

- ✓ Quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của người lao động Công ty;
- ✓ Đảm bảo an toàn tuyệt đối trên toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh.
- Về công tác quản trị nhân sự:
 - ✓ Đề nghị Công ty nghiên cứu tuyển dụng nhân sự Kỹ sư xây dựng để trợ giúp Ban điều hành Công ty trong công tác khảo sát hạ tầng và lên kế hoạch đầu tư xây dựng, đặc biệt trong thời gian tới khi Quy hoạch đã được duyệt;
 - ✓ Phê duyệt cơ cấu tổ chức Công ty;
 - ✓ Đề nghị Công ty nghiên cứu cơ chế quản lý nguồn nhân lực theo mục tiêu để nâng cao năng suất lao động.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 đạt: 156,19 tỷ đồng, tăng 2,47 % so với năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 đạt 13,19 tỷ đồng, tăng 0,87% so với năm 2023.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.

Trong năm 2024, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban điều hành đã thể hiện tinh thần làm việc không mệt mỏi, tập trung cao độ và tâm huyết, thực hiện theo đúng các chỉ đạo của HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây đã được Thành phố phê duyệt tại Quyết định số: 1856/QĐ-UBND ngày 09/04/2024, Công ty cần triển khai ngay các công việc sau.

- Trả lại UBND thành phố Hà Nội về con đường Quy hoạch để giảm tiền thuê đất cho Công ty.
- Xin sớm phê duyệt chủ trương đầu tư khu 1,7 ha đất Công viên Mặt Trời Mới.
- Tìm kiếm, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tài chính, có kinh nghiệm trong lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh, triển khai thực hiện phương án khai thác Công viên Mặt Trời Mới hiệu quả theo Quy hoạch được duyệt, khai thác tối đa vị trí của khu đất.
- Định hướng chỉ đạo Công ty để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của công ty là Công viên nước. Trong đó chú trọng thúc đẩy các mảng kinh doanh còn dư địa gia tăng doanh thu như dịch vụ ẩm thực, bán lẻ, tổ chức sự kiện, du lịch lữ hành ...

✓ Hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng thiết bị, chú trọng đầu tư cảnh quan xanh tươi, sạch đẹp để phục vụ mùa hoạt động công viên nước 2025, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ an toàn tuyệt đối cho nhân viên, cho khách hàng.

✓ Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây để thu hút giới trẻ.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: chú trọng công tác đào tạo nhân sự, xây dựng bộ máy nhân sự theo mô hình tinh gọn, xây dựng cơ chế khoán lương để khuyến khích người lao động, thu hút nguồn lao động chất lượng cao.

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu năm kế hoạch 2025 là 161,32 tỷ đồng, tăng 3,29 % so với Tổng doanh thu thực hiện năm 2024.

- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế TNDN là 7,53 tỷ đồng, giảm 47,28 % so với lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2024.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Haseco Chủ tịch HĐQT Tổng CT Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH	- Miễn nhiệm CT HĐQT ngày 03/6/2024 - Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 25/06/2024
2	Bà Nguyễn Thị Vân	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội – Công ty TNHH) Tổng giám đốc Tổng CT Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	Bổ nhiệm CT HĐQT ngày 03/6/2024
3	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt	

4	Bà Lê Thị Giang	Thành viên HĐQT Haseco Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hà Nội (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội- Công ty TNHH)	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 25/06/2024
5	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng) Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng	Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 21/11/2024
6	Bà Cao Minh Trúc	Thành viên HĐQT Haseco Giám đốc Công ty TNHH MTV Putaleng	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 21/11/2024
7	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Phó Tổng giám đốc - Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH	
8	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Chủ tịch Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen	
9	Ông Nguyễn Trường Giang	Trưởng phòng Kế toán - Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt	

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	Ông Bùi Thanh Hùng	Phó Trưởng phòng Tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2024
I	Thù lao Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	69.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Vân	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	120.000.000
3	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	126.000.000
4	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT	60.000.000	71.500.000
5	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	78.000.000
6	Bà Lê Thị Giang	Thành viên HĐQT		39.000.000
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	78.000.000
7	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên HĐQT	60.000.000	78.000.000
8	Bà Cao Minh Trúc	Thành viên HĐQT		6.500.000
II	Thù lao Ban kiểm soát			
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng BKS	96.000.000	126.000.000
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	36.000.000	48.000.000
3	Ông Bùi Thanh Hùng	Thành viên BKS	36.000.000	48.000.000
III	Thu nhập Ban điều hành			
1	Bà Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc	504.130.091	155.642.857
2	Bà Lê Thị Giang	Tổng Giám đốc		358.150.143

2	Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	388.994.689	335.500.616
3	Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	380.788.000	430.998.129
4	Bà Lê Thị Nhận	Phó Tổng Giám đốc	349.442.000	352.664.112
5	Ông Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng	357.862.783	355.994.904

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ý kiến của kiểm toán viên: “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31/12/2024)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.304.211.581	47.752.430.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.600.966.579	3.521.537.141
1. Tiền	111		3.600.966.579	3.521.537.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	63.500.000.000	38.020.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		63.500.000.000	38.020.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.381.015.123	4.567.467.520
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.009.932.335	1.736.219.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	951.066.761	1.127.037.082
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.665.530.277	1.949.724.994

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(245.514.250)	(245.514.250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	573.679.119	669.834.638
1. Hàng tồn kho	141		573.679.119	669.834.638
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		248.550.760	973.591.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	17.944.634	121.438.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		200.265.777	852.152.633
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14	30.340.349	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.890.028.192	65.555.019.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.385.616.938	57.437.095.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	56.385.616.938	57.437.095.701
- Nguyên giá	222		228.576.894.112	256.522.254.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(172.191.277.174)	(199.085.158.724)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		18.324.833.000	18.324.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.324.833.000)	(18.324.833.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.420.065	200.420.065
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	200.420.065	200.420.065
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.303.991.189	7.917.504.055
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	7.303.991.189	7.917.504.055
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.194.239.773	113.307.450.169
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.438.205.337	13.743.848.822
I. Nợ ngắn hạn	310		16.082.463.557	13.184.182.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.365.823.140	2.843.505.689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	192.981.904	38.142.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	621.967.773	33.838.953
4. Phải trả người lao động	314		1.359.954.000	2.032.405.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.275.751.019	3.457.027.181
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.268.696.164	2.492.727.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	987.706.443	1.027.053.112
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	810.000.000	960.000.000

9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		199.583.114	299.483.114
II. Nợ dài hạn	330		7.355.741.780	559.666.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	7.355.741.780	559.666.000
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.756.034.436	99.563.601.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	112.756.034.436	99.563.601.347
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(28.000.000)	(28.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.547.843.857	(8.644.589.232)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.644.589.232)	(21.723.452.509)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.192.433.089	13.078.863.277
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.194.239.773	113.307.450.169

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.188.812.323	152.417.934.850
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]	10		156.188.812.323	152.417.934.850
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.116.286.129	93.306.367.027
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]	20		53.072.526.194	59.111.567.823
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.691.240.456	3.064.784.516

7	Chi phí tài chính	22		-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25	VI.6	18.924.849.101	18.718.276.731
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.355937.900	30.571.147.871
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (25+26)]	30		13.482.979.649	12.886.927.737
11	Thu nhập khác	31	VI.4	800.063.150	203.551.907
12	Chi phí khác	32	VI.5	6.032.638	11.616.367
13	Lợi nhuận khác [40 = 31-32]	40		794.030.512	191.935.540
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.277.010.161	13.078.863.277
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.084.577.072	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		13.192.433.089	13.078.863.277
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.419,36	1.407,14

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		166.676.355.891	162.880.797.522
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(104.708.140.750)	(102.164.751.120)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.115.361.950)	(22.974.367.775)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(509.984.050)	-

6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.711.762.999	7.036.884.421
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.872.883.120)	(35.470.185.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.181.749.020	9.308.377.369
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.130.629.530)	(4.150.760.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.675.972.861	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(91.800.000.000)	(63.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		66.320.000.000	54.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.861.487.670	2.500.955.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.073.168.999)	(10.149.804.724)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.502.000)	(82.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.502.000)	(82.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		79.078.021	(923.777.355)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.521.537.141	4.445.113.429
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		351.417	201.067
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	3.600.966.579	3.521.537.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100844825 thay đổi lần thứ 9 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp 10/04/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Đến ngày 31/12/2024, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận chuyển khách du lịch, Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hóa thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Trụ sở Công ty tại: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 163 người (tại ngày 31/12/2023 là: 171 người)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh Trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải Trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định:	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 30
- Máy móc thiết bị	04 – 12
- Phương tiện vận tải	06 – 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ

các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hóa do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước tổng cho công viên nước Hồ Tây được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của công ty bao gồm các khoản trích trước các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả của công ty là khoản dự phòng phải trả quỹ tiền lương.

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập bằng 3,5% trên quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động theo Quyết định số 194/2024/QĐ-HASECO ngày 31/12/2024.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty. Các cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn., Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ giải trí công viên nước, kinh doanh du lịch lữ hành, ẩm thực và dịch vụ sự kiện... Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	933.661.235	549.304.618
Tiền gửi ngân hàng	2.667.305.344	2.972.232.523
Tổng	<u>3.600.966.579</u>	<u>3.521.537.141</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hồ Gươm (1)	36.100.000.000	36.100.000.000	22.800.000.000	22.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên (2)	18.400.000.000	18.400.000.000	15.100.000.000	15.100.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ (3)	500.000.000	500.000.000	120.000.000	120.000.000
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - CN Tây Hồ (4)	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-
Cộng	63.500.000.000	63.500.000.000	38.020.000.000	38.020.000.000

(1) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 36,1 tỷ đồng, thời hạn 6-13 tháng, lãi suất 4,6-6,4%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 18,4 tỷ đồng, thời hạn 6-9 tháng, lãi suất 4,7-5,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Hợp đồng ký quỹ số 04.2/HĐ-HASECO/2024 ngày 08/01/2024, số tiền 500.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,3%/năm.

(4) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 18,4 tỷ đồng, thời hạn 6-9 tháng, lãi suất 4,7-5,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	57.486.240	-	52.762.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	188.370.984	-	347.760.340	-
Nguyễn Thị Kim Anh	298.566.000	-	472.496.000	-
Công ty TNHH Hương gia vị Sơn Hà	140.638.680	-	327.501.360	-
Các đối tượng khác	1.324.870.431	(245.514.250)	535.699.994	(245.514.250)
Cộng	2.009.932.335	(245.514.250)	1.736.219.694	(245.514.250)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Thanh Tùng	-	145.773.000
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Quốc tế Việt Nam Bestour	-	336.315.317
Văn phòng luật sư DOHA	-	142.400.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Du lịch TLS	228.960.000	-
Công ty CP Môi trường và Xây dựng Hợp Thành	308.404.800	-
Các đối tượng khác	413.701.961	502.548.765
Cộng	951.066.761	1.127.037.082

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.252.037.946	-	1.422.636.577	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hồ Gươm	726.333.698	-	851.145.343	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	21.087.671	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên	395.570.001	-	571.491.234	-
-Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Tây Hồ	109.046.576	-	-	-
Các khoản phải thu khác	55.509.731	-	136.927.887	-
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	-	-	133.582.264	-
Các đối tượng khác	55.509.731	-	3.345.623	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	337.982.600	-	370.160.530	-
Lương Văn Anh	-	-	16.605.000	-
Lê Thị Trang	-	-	58.300.000	-
Đình Thị Lua	-	-	82.245.350	-

Đoàn Thị Ngọc	-	-	102.029.500	-
Nguyễn Hà Diễm Ly	131.500.000	-	-	-
Nguyễn Thị Kim Anh	57.199.000	-	-	-
Hoàng Thị Tâm	50.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	99.283.600	-	110.980.680	-
Cộng	1.665.530.277	-	1.949.724.994	-

6. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty CP HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	-
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	217.621.628	-	299.185.163	-
Công cụ, dụng cụ	38.157.522	-	218.184	-
Thành phẩm	32.708.760	-	34.887.369	-
Hàng hoá	280.347.470	-	334.705.522	-
Hàng gửi đi bán	4.843.739	-	838.400	-
Cộng	573.679.119	-	669.834.638	-

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2024	152.179.114.896	101.194.371.878	2.648.945.454	499.822.197		256.522.254.425
- Mua trong năm	-	532.201.500	1.039.760.000	-		1.571.961.500
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.090.148.536	-	-	-		8.090.148.536
- Thanh lý, nhượng bán	(1.944.226.953)	(28.979.224.022)	(1.625.963.636)	-		(32.549.414.611)
- Giảm khác (*)	(4.570.202.057)	(487.853.681)	-	-		(5.058.055.738)
Số dư ngày 31/12/2024	153.754.834.422	72.259.495.675	2.062.741.818	499.822.197		228.576.894.112
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2024	105.087.231.752	91.173.629.053	2.535.991.189	288.306.730		199.085.158.724
- Khấu hao trong năm	5.666.907.641	3.141.619.696	137.410.985	78.018.000		9.023.956.322
- Thanh lý, nhượng bán	(1.361.402.273)	(27.872.416.225)	(1.625.963.636)	-		(30.859.782.134)
- Giảm khác (*)	(4.570.202.057)	(487.853.681)	-	-		(5.058.055.738)
Số dư ngày 31/12/2024	104.822.535.063	65.954.978.843	1.047.438.538	366.324.730		172.191.277.174
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2024	47.091.883.144	10.020.742.825	112.954.265	211.515.467		57.437.095.701
- Tại ngày 31/12/2024	48.932.299.359	6.304.516.832	1.015.303.280	133.497.467		56.385.616.938

(*) Giảm tài sản cố định do phá dỡ.

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 60.451.985.673 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 89.206.320.268 đồng).

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2024	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2024	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

- Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 18.324.833.000 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 18.324.833.000 đồng).

10. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.944.634	121.438.416
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	121.438.416
Chi phí bảo hiểm	17.944.634	-
b) Dài hạn	7.303.991.189	7.917.504.055
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	313.545.846	854.846.603
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.990.445.343	7.062.657.452
Cộng	7.321.935.823	8.038.942.471

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình hệ thống thoát nước tổng thể	200.420.065	200.420.065
Cộng	200.420.065	200.420.065

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Tư vấn Xây dựng AEC	22.642.346	22.642.346	86.480.323	86.480.323

Công ty CP Phân phối hàng hóa An Quyên	582.999.957	582.999.957	-	-
Trần Thị Lý	94.267.837	94.267.837	42.018.776	42.018.776
Asia Travel and Investment Co., Ltd	1.370.578.494	1.370.578.494	-	-
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	569.854.422	569.854.422	562.846.099	562.846.099
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đạt Phát	-	-	225.950.367	225.950.367
Các đối tượng khác	1.725.480.084	1.725.480.084	1.926.210.124	1.926.210.124
Cộng	4.365.823.140	4.365.823.140	2.843.505.689	2.843.505.689

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Tập đoàn RED23 Việt Nam	35.911.904	-
Các đối tượng khác	157.070.000	38.142.000
Cộng	192.981.904	38.142.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2024
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	-	4.675.180.940	4.675.180.940	-
Thuế TNDN	-	1.084.577.072	509.984.050	574.593.022
Thuế thu nhập cá nhân	32.791.273	319.932.086	309.036.008	43.687.351
Thuế tài nguyên	1.047.680	32.144.000	32.024.280	1.167.400
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.650.456.506	6.650.456.506	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.520.000	3.000.000	2.520.000
Cộng	33.838.953	12.767.810.604	12.179.681.784	621.967.773
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	30.340.349	30.340.349
Cộng	-	-	30.340.349	30.340.349

15. Chi phí phải trả	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	929.279.704	624.803.500
Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	-	154.000.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	785.595.000	780.785.000
Trích trước tiền nghỉ mát, dưỡng sức cho CBNV	948.500.000	-
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phải trả	395.401.449	499.562.116
Trích trước chi phí phải trả khác	1.216.974.866	1.397.876.565
Cộng	4.275.751.019	3.457.027.181
16. Phải trả khác	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	987.706.443	1.027.053.112
Kinh phí công đoàn	58.095.430	82.059.162
Các khoản phải trả, phải nộp khác	929.611.013	944.993.950
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>915.491.950</i>	<i>944.993.950</i>
<i>Phạm Thị Đào Nguyễn</i>	<i>14.119.063</i>	-
<i>b) Dài hạn</i>	7.355.741.780	559.666.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	336.075.780	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FARM FOODS Việt Nam	108.800.000	108.800.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	179.916.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn RED23 Việt Nam	70.950.000	70.950.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	6.660.000.000	-
Cộng	8.343.448.223	1.586.719.112
<i>c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2</i>		
17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.999.536.364	2.492.727.273
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	269.159.800	-
Cộng	3.268.696.164	2.492.727.273
<i>b) Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2</i>		
18. Dự phòng phải trả	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng quỹ tiền lương	810.000.000	960.000.000
Cộng	810.000.000	960.000.000

19. **Vốn chủ sở hữu**

19.1 **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2023	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(21.723.452.509)	79.385.297.491
Lãi trong năm trước	-	-	-	13.078.863.277	13.078.863.277
Số dư ngày 01/01/2024	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(8.644.589.232)	92.464.160.768
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.192.433.089	13.192.433.089
Số dư ngày 31/12/2024	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	4.547.843.857	105.656.593.857

19.2 **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	42.700.000.000	42.700.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Trí Thành	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH MTV PUTALENG	4.705.000.000	4.705.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	9.385.650.000	9.385.650.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.933.850.000	12.933.850.000
Cộng	92.974.500.000	92.974.500.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (1)	Vốn điều lệ đã góp (2)	Vốn điều lệ còn phải góp (3)=(1)-(2)
	VND	VND	VND
Cộng	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

19.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
USD	300,1	300,1

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.188.812.323	152.417.934.850
Cộng	156.188.812.323	152.417.934.850

b) Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.116.286.129	93.306.367.027
Cộng	103.116.286.129	93.306.367.027

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.690.889.039	3.064.583.449
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	351.417	201.067
Cộng	2.691.240.456	3.064.784.516

4. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý tài sản	665.016.939	-
Các khoản thu nhập khác	135.046.211	203.551.907
Cộng	800.063.150	203.551.907

5. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí khác	6.032.638	11.616.367
Cộng	6.032.638	11.616.367

6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	18.924.849.101	18.718.276.731
Chi phí nhân viên bán hàng	6.733.154.468	6.935.755.890
Chi phí dụng cụ đồ dùng	778.973.949	721.456.425
Khấu hao tài sản cố định	1.416.367.811	1.311.047.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.260.049.489	5.109.412.969
Chi phí bằng tiền khác	4.736.303.384	4.640.603.792
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23.355.937.900	30.571.147.871
Chi phí nhân viên quản lý	7.160.466.853	7.516.005.802
Chi phí vật liệu quản lý	491.599.215	487.677.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	200.653.840	146.487.280
Khấu hao tài sản cố định	604.371.767	679.200.142
Thuế, phí, lệ phí	6.687.851.506	15.231.002.971
Chi phí dự phòng	810.000.000	960.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.310.928.037	2.026.913.806
Chi phí bằng tiền khác	4.090.066.682	3.523.860.847
Cộng	42.280.787.001	49.289.424.602

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.435.970.771	2.026.815.733
Chi phí nhân công	27.159.314.278	27.752.258.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.010.970.018	8.570.270.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.653.037.663	93.499.012.074
Chi phí bằng tiền khác	11.137.780.400	10.747.435.621
Cộng	145.397.073.130	142.595.791.629

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	14.277.010.161	13.078.863.277
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	444.000.000	347.548.700

Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(9.298.124.803)	(13.426.411.977)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.422.885.358	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.084.577.072	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.192.433.089	13.078.863.277
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.192.433.089	13.078.863.277
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.419,36	1.407,14

(*) Năm 2024 lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

VII. Những thông tin khác

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen

Tập đoàn Bảo Việt

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Lê Xuân Nam

Bà Cao Minh Trúc

Ông Nguyễn Đức Thành

Ông Nguyễn Xuân Hải

Mối quan hệ

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2024)

Chủ tịch HĐQT (Thôi giữ chức vụ

Chủ tịch HĐQT từ ngày 03/06/2024,

miễn nhiệm chức vụ Thành viên

HĐQT từ ngày 25/06/2024)

Phó chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/11/2024)

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 21/11/2024)

Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Anh Trung
 Ông Nguyễn Trường Giang
 Bà Lê Thị Giang

Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày
 25/06/2024) kiêm Tổng Giám đốc
 (Bổ nhiệm từ ngày 20/03/2024)
 Phó Tổng giám đốc
 Phó Tổng giám đốc
 Phó Tổng giám đốc
 Trưởng Ban kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát
 Kế toán trưởng

Ông Hoàng Văn Toàn
 Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh
 Bà Lê Thị Nhạn
 Văn Thị Cẩm
 Nguyễn Minh Trí
 Bùi Thanh Hùng
 Vũ Quang Tuyên

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng	14.587.867.082	11.253.804.692
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	1.967.015.232	214.198.636
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	12.620.851.850	11.039.606.056
Mua hàng	3.455.982.160	4.902.127.221
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	3.455.982.160	4.902.127.221
Nhận đặt cọc hợp tác	6.660.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	6.660.000.000	-

b) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các khoản phải thu	57.486.240	52.762.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	57.486.240	52.762.000
Các khoản phải trả	4.177.000	114.170.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	4.177.000	114.170.500
Doanh thu chưa thực hiện	2.999.536.364	2.492.727.273
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.999.536.364	2.492.727.273
Các khoản phải trả khác	6.660.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	6.660.000.000	-

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	666.000.000	516.000.000

Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	222.000.000	168.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.988.950.761	1.981.217.563
Cộng	2.876.950.761	2.665.217.563

Chi tiết từng thành viên như sau

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	666.000.000	516.000.000
Nguyễn Văn Dũng	69.000.000	120.000.000
Nguyễn Thị Vân	120.000.000	60.000.000
Lê Xuân Nam	126.000.000	96.000.000
Nguyễn Đức Thành	71.500.000	60.000.000
Nguyễn Xuân Hải	78.000.000	60.000.000
Đoàn Anh Trung	78.000.000	60.000.000
Nguyễn Trường Giang	78.000.000	60.000.000
Lê Thị Giang	39.000.000	-
Cao Minh Trúc	6.500.000	-
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	222.000.000	168.000.000
Văn Thị Cẩm	126.000.000	96.000.000
Nguyễn Minh Trí	48.000.000	36.000.000
Bùi Thanh Hùng	48.000.000	36.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.988.950.761	1.981.217.563
Nguyễn Thị Vân	155.642.857	504.130.091
Lê Thị Giang	358.150.143	-
Hoàng Văn Toàn	335.500.616	388.994.689
Nghiêm Thị Hồng Hạnh	430.998.129	380.788.000
Lê Thị Nhạn	352.664.112	349.442.000
Vũ Quang Tuyên	355.994.904	357.862.783

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3. Báo cáo bộ phận

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Âm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tài sản								
Tài sản bộ phận	13.877.382.147	4.273.003.979	-	216.454.617	17.999.778.225	1.580.946.051	98.246.674.754	136.194.239.773
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	3.588.489.172	37.476.000	13.044.000	11.596.000	2.106.509.963	1.799.510.765	15.881.579.437	23.438.205.337

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023

	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Âm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tài sản								
Tài sản bộ phận	12.534.904.109	6.680.293.586	800.000	272.217.849	18.896.382.444	1.148.659.100	73.774.193.081	113.307.450.169
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	3.069.799.049	45.750.000	29.596.000	36.615.000	2.017.509.742	579.804.312	7.964.774.719	13.743.848.822

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2024

								Đơn vị tính: VND
	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Ấm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	56.679.399.635	272.154.545	1.009.237.386	3.130.463.190	24.375.543.164	54.454.708.275	16.267.306.128	156.188.812.323
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	2.691.240.456	2.691.240.456
Chi phí sản xuất kinh doanh								-
- Giá vốn hàng bán	36.324.647.444	717.657.130	-	1.710.174.405	11.231.679.404	51.833.749.167	1.298.378.579	103.116.286.129
- Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí bán hàng	5.026.449.709	-	631.330.975	877.658.609	8.212.905.497	2.206.020.393	1.970.483.918	18.924.849.101
- Chi phí quản lý	8.722.659.005	3.341.327.148	96.918.447	387.673.740	1.259.939.654	193.836.867	9.353.583.039	23.355.937.900
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.605.643.477	(3.786.829.733)	280.987.964	154.956.436	3.671.018.609	221.101.848	6.336.101.048	13.482.979.649
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	794.030.512	794.030.512
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	6.605.643.477	(3.786.829.733)	280.987.964	154.956.436	3.671.018.609	221.101.848	7.130.131.560	14.277.010.161

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2023

								Đơn vị tính: VND
	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Ấm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	61.900.715.944	266.572.729	599.625.891	3.835.624.277	26.895.891.465	44.042.227.488	14.877.277.056	152.417.934.850
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	3.064.784.516	3.064.784.516
Chi phí sản xuất kinh doanh								-
- Giá vốn hàng bán	33.300.450.400	1.087.018.485	-	2.016.190.599	13.666.621.226	41.938.350.723	1.297.735.594	93.306.367.027
- Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí bán hàng	4.778.739.761	-	784.048.571	931.352.806	7.807.175.335	1.991.716.895	2.425.243.363	18.718.276.731
- Chi phí quản lý	9.359.119.064	9.009.127.705	103.990.229	415.960.850	1.351.872.774	207.980.428	10.123.096.821	30.571.147.871
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.462.406.719	(9.829.573.461)	(288.412.909)	472.120.022	4.070.222.130	(95.820.558)	4.095.985.794	12.886.927.737
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	191.935.540	191.935.540
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	14.462.406.719	(9.829.573.461)	(288.412.909)	472.120.022	4.070.222.130	(95.820.558)	4.287.921.334	13.078.863.277

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Hà Nội, ngày 01. tháng 01. năm 2025 *uh*

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thị Giang